

ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI CHIM KHU VỰC QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA, TỈNH KHÁNH HÒA, VIỆT NAM

PHẠM HỒNG PHƯƠNG ⁽¹⁾, LÊ XUÂN ĐẮC ⁽¹⁾, ĐINH THẾ DŨNG ⁽¹⁾

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quần đảo Trường Sa thuộc huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Sau những năm 80 của thế kỷ XX, các hoạt động khảo sát về điều kiện tự nhiên, môi trường biển, nguồn lợi biển và đa dạng sinh học hệ động thực vật khu vực này được đẩy mạnh. Nhiều chuyến khảo sát thuộc các Chương trình, Dự án điều tra nghiên cứu biển cấp Nhà nước, cấp Bộ được thực hiện trong những năm 1980 - 1997 và các năm 2001- 2002, như Chương trình hợp tác Việt - Xô đã sử dụng hai tàu Kallisto và Berill khảo sát rạn san hô vào tháng 4 năm 1981 tại các đảo Trường Sa và Sinh Tồn; Chương trình nghiên cứu biển 48-B, Chương trình Biển Đông - Hải đảo... Đặc biệt các kết quả nghiên cứu trong giai đoạn 2005 - 2008 của Viện Tài nguyên và Môi trường biển, đã bổ sung đáng kể đặc điểm tài nguyên đa dạng sinh học của quần đảo Trường Sa [1]. Bên cạnh những nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam, các nhà khoa học trên thế giới cũng đã công bố về sự đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật vùng biển quần đảo Trường Sa [1].

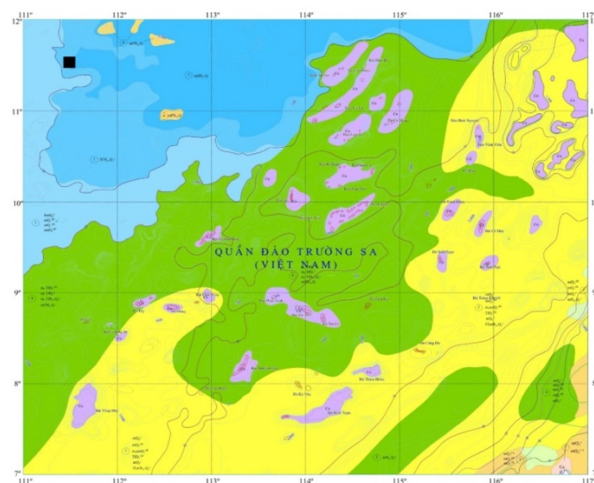
Trong những năm trước đây, nghiên cứu về chim quần đảo Trường Sa nói chung đã được tiến hành. Theo Báo cáo kết quả Chương trình 48-B (1991), trên Đá Lát đã ghi nhận được 4 loài chim (Chim diên bụng trắng, Gà đồng, Nhàn mào và Nhàn đầu xám) [2]. Tổ chức BirdLife International năm 2001 đã ghi nhận được 35 loài chim biển cư ngụ trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa ở trạng thái dừng nghỉ, sinh sản và trú đông [1]. Tuy nhiên, những kết quả đã công bố chưa thực sự đầy đủ về thành phần loài, hiện trạng quần thể trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

Năm 2020 và 2021, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga đã tiến hành các đợt khảo sát đa dạng các loài chim thuộc quần đảo Trường Sa. Đây là một trong những nhiệm vụ của Đề tài KCB-TS-04, thuộc Chương trình KCB -TS: 2020-2023, nhằm đánh giá đa dạng sinh học hệ động vật và thực vật trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, phục vụ bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Đối tượng

- Các loài chim phân bố khu vực quần đảo Trường Sa, Việt Nam.
- Thời gian: Đã tiến hành khảo sát trong 2 đợt với tổng thời gian là 70 ngày. Đợt 1 từ ngày 13/10 - 21/11/2020 (mùa mưa), đợt 2 từ ngày 16/5 - 21/6/2021 (mùa khô).
- Địa điểm: quần đảo Trường Sa, có tọa độ địa lý 6°30' đến 12°00' vĩ Bắc, 111°00' đến 117°20' kinh Đông (Hình 1), cách đất liền về phía Đông Nam khoảng 250 hải lý. Về mặt hành chính quần đảo Trường Sa thuộc huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa. Điều tra khảo sát các loài chim được tiến hành trên 9 đảo nổi và một số vùng biển thuộc khu vực quần đảo Trường Sa.



Hình 1. Quần đảo Trường Sa

2.2. Phương pháp

Nghiên cứu thực địa tại các khu vực đảo nổi thuộc quần đảo Trường Sa được tiến hành trong khoảng từ 5 giờ đến 11 giờ và từ 15 giờ đến 18 giờ hàng ngày, đây là khung thời gian mà các loài chim hoạt động nhiều nhất trong ngày. Tại các đảo nổi tiến hành công việc nghiên cứu thực địa trên toàn bộ phần nổi và vùng biển nông thuộc viền rạn của các đảo, bao gồm các sinh cảnh: thảm cỏ, cây bụi, cây thân gỗ, bãi cát, bãi san hô cạn và khu vực công trình xây dựng, nhà ở. Phương pháp tiến hành bằng cách đi bộ với tốc độ trung bình khoảng 1,5 km/h, quan sát, chụp ảnh để ghi nhận các loài chim. Với các loài chim phân bố và kiếm ăn ở các bãi cạn và vùng biển gần các đảo được quan sát và ghi nhận hình ảnh với các xuồng máy và tàu khi di chuyển giữa các đảo.

Dụng cụ nghiên cứu gồm ống nhòm Nikon (10 × 42), máy chụp hình Nikon D5 + Tele 500mm. Ngoài ra, trong quá trình khảo sát còn sử dụng thiết bị phát âm thanh (tiếng chim) dụ chim về gần để quan sát và chụp ảnh.

Định danh loài bằng phương pháp phân loại hình thái, tên khoa học và hệ thống phân loại theo các tài liệu Nguyễn Cử và cộng sự [3], Lê Mạnh Hùng [4], Robson et al. [5, 6], Robson [7] và Clements et al. [8]. Tên phổ thông tiếng Việt sử dụng theo Võ Quý và Nguyễn Cử [9]. Tình trạng bảo tồn loài được xác định theo Sách Đỏ Việt Nam [10], Nghị định 84/2021/NĐ-CP [11], Danh lục Đỏ IUCN [12].

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng thành phần loài

Kết quả thu được qua 2 đợt khảo sát tại quần đảo Trường Sa đã ghi nhận được tổng cộng 110 loài chim thuộc 34 họ và 13 bộ. Trong đó đợt khảo sát thứ nhất vào tháng 10 và 11 năm 2020 (mùa mưa) ghi nhận được số lượng loài cao với 101 loài, nhưng đợt khảo sát thứ hai vào tháng 5 và 6 năm 2021 (mùa khô) chỉ ghi nhận được 43 loài, tuy nhiên có 9 loài chưa ghi nhận trong đợt khảo sát thứ nhất (Bảng 1).

Bảng 1. Danh lục thành phần loài chim khu vực quần đảo Trường Sa (Ghi nhận trong năm 2020 và 2021)

TT	Tên phổ thông - Tên khoa học	TT	Tên phổ thông - Tên khoa học
	I. BỘ YẾN - APODIFORMES	17	Choi chơi nhỏ - <i>Charadrius dubius</i> (Scopoli, 1786) ¹
	1. Họ Yến - Apodidae	18	Choi chơi vàng - <i>Pluvialis fulva</i> (Gmelin, 1789) ¹
1	Yến hồng xám <i>Aerodramus germani</i> (Thunberg, 1812) ^{1,2}	19	Choi chơi xám - <i>Pluvialis squatarola</i> (Linnaeus, 1758) ¹
	II. BỘ CU CU - CUCULIFORMES		7. Họ Rẽ - Scolopacidae
	2. Họ Cu Cu - Cuculidae	20	Choắt bụng xám - <i>Tringa glareola</i> (Linnaeus, 1758) ¹
2	Chèo chèo lớn - <i>Hierococcyx sparveroides</i> (Vigors, 1831) ¹	21	Choắt đốm cổ - <i>Calidris melanotos</i> (Vieillot, 1819) ¹
3	Chèo chèo nhỏ - <i>Hierococcyx nasicolor</i> (Blyth, 1843) ¹	22	Choắt đốm đen - <i>Tringa stagnatilis</i> (Bechstein, 1803) ¹
4	Cu cu phương đông - <i>Cuculus saturatus</i> (Blyth, 1843) ^{1,2}	23	Choắt lớn - <i>Tringa nebularia</i> (Gunnerus, 1767) ¹
5	Khát nước - <i>Clamator coromandus</i> (Linnaeus, 1766) ¹	24	Choắt lùn đuôi xám - <i>Tringa brevipes</i> (Vieillot, 1816) ^{1,2} - NT
6	Tim vịt - <i>Cacomantis merulinus</i> (Scopoli, 1786) ¹	25	Choắt mỏ cong bé - <i>Numenius phaeopus</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}
7	Tu hú - <i>Eudynamis scolopaceus</i> (Linnaeus, 1758) ¹	26	Choắt nâu - <i>Tringa totanus</i> (Linnaeus, 1758) ¹
	III. BỘ BÒ CẦU - COLUMBIFORMES	27	Choắt nhỏ - <i>Actitis hypoleucos</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}
	3. Họ Bò cầu - Columbidae	28	Rẽ giun - <i>Gallinago gallinago</i> (Linnaeus, 1758) ¹
8	Cu ngói - <i>Streptopelia tranquebarica</i> (Hermann, 1804) ^{1,2}	29	Rẽ khoang - <i>Arenaria interpres</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}
	IV. BỘ SẾU - GRUIFORMES		8. Họ Dò Nách - Glareolidae
	4. Họ gà nước - Rallidae	30	Dò nách nâu - <i>Glareola maldivarum</i> (Forster, 1795) ^{1,2}
9	Cuốc ngực trắng - <i>Amaurornis phoenicurus</i> (Pennant, 1769) ¹		9. Họ Mòng biển - Laridae
10	Gà đồng - <i>Gallinix cinerea</i> (Gmelin, 1789) ²	31	Nhân - <i>Sterna hirundo</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}
11	Gà nước họng nâu - <i>Rallina fasciata</i> (Raffles, 1822) ¹	32	Nhân đen - <i>Chlidonias hybrid</i> (Pallas, 1811) ^{1,2}
12	Kịch - <i>Gallinula chloropus</i> (Linnaeus, 1758) ¹	33	Nhân hồng - <i>Sterna dougallii</i> (Montagu, 1813) ²
	5. Họ Cà kheo - Recurvirostridae	34	Nhân lưng nâu - <i>Onychoprion anaethetus</i> (Scopoli, 1786) ²
13	Cà kheo - <i>Himantopus himantopus</i> (Linnaeus, 1758) ¹	35	Nhân mào - <i>Thalasseus bergii</i> (Lichtenstein, 1823) ²
	6. Họ Choi chơi - Charadriidae	36	Nhân xám - <i>Chlidonias leucopterus</i> (Temminck, 1815) ^{1,2}
14	Choi chơi á châu - <i>Charadrius veredus</i> (Gould, 1848) ²	37	Nhân xu ma tra - <i>Sterna sumatrana</i> (Raffles, 1822) ²
15	Choi chơi khoang cổ - <i>Charadrius dealbatus</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}		VI. BỘ CHIM NHIỆT ĐỚI - PHAETHONTIFORMES
16	Choi chơi mông cổ - <i>Charadrius mongolus</i> (Pallas, 1776) ¹		10. Họ Chim nhiệt đới - Phaethontidae

38	Chim nhiệt đới - <i>Phaethon aethereus</i> (Linnaeus, 1758) ²	57	Ứng lưng đen - <i>Accipiter soloensis</i> (Horsfield, 1821) ¹ - IIB
	VII. BỘ CHIM ĐIÊN - SULIFORMES	58	Ứng nhật bản - <i>Accipiter gularis</i> (Temminck & Schlegel, 1844) ¹ - IIB
	11. Họ Cốc - Phalacrocoracidae		X. BỘ CÚ - STRIGIFORMES
39	Cốc đế - <i>Phalacrocorax carbo</i> (Linnaeus, 1758) ² - EN		16. Họ Cú mèo - Strigidae
	12. Họ Chim điên - Sulidae	59	Cú vọ lưng nâu - <i>Ninox scutulata</i> (Raffles, 1822) ¹ - IIB
40	Chim điên chân đỏ - <i>Sula sula</i> (Linnaeus, 1766) ^{1,2}		XI. BỘ SÀ - CORACIIFORMES
	VIII. BỘ BỒ NÔNG - PELECANIFORMES		17. Họ Sà - Alcedinidae
	13. Họ Diệc - Ardeidae	60	Bông chanh - <i>Alcedo atthis</i> (Linnaeus, 1758) ¹
41	Cò bọ - <i>Ardeola bacchus</i> (Bonaparte, 1855) ^{1,2}	61	Sà đầu đen - <i>Halcyon pileata</i> (Boddaert, 1783) ¹
42	Cò bọ mã lai - <i>Ardeola speciosa</i> (Horsfield, 1821) ¹		18. Họ Sà Rừng - Coraciidae
43	Cò lửa lùn - <i>Ixobrychus sinensis</i> (Gmelin, 1789) ^{1,2}	62	Yềng quạ - <i>Eurystomus orientalis</i> (Linnaeus, 1766) ^{1,2}
44	Cò ngàng lớn - <i>Ardea alba</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}		XII. BỘ CÁT - FALCONIFORMES
45	Cò ngàng nhỏ - <i>Mesophoyx intermedia</i> (Wagler, 1827) ¹		19. Họ Cát - Falconidae
46	Cò ruồi - <i>Bubulcus ibis</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}	63	Cắt amua - <i>Falco amurensis</i> (Radde, 1863) ¹ - IIB
47	Cò trắng - <i>Egretta garzetta</i> (Linnaeus, 1766) ^{1,2}	64	Cắt lớn - <i>Falco peregrinus</i> (Tunstall, 1771) ¹ - IB
48	Cò xanh - <i>Butorides striata</i> (Linnaeus, 1758) ¹	65	Cắt lưng hung - <i>Falco tinnunculus</i> (Linnaeus, 1758) ¹ - IIB
49	Diệc lửa - <i>Ardea purpurea</i> (Linnaeus, 1766) ¹		XIII. BỘ SẾ - PASSERIFORMES
50	Diệc xám - <i>Ardea cinerea</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}		20. Họ Bách thanh - Laniidae
51	Vạc - <i>Nycticorax nycticorax</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}	66	Bách thanh mây trắng - <i>Lanius cristatus</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}
52	Vạc rừng - <i>Gorsachius melanolophus</i> (Raffles, 1822) ^{1,2}	67	Bách thanh vằn - <i>Lanius tigrinus</i> (Drapiez, 1828) ¹
	IX. BỘ ỨNG - ACCIPITRIFORMES		21. Họ Chèo bẻo - Dicruridae
	14. Họ Ó cá - Pandionidae	68	Chèo bẻo đen - <i>Dicrurus macrocercus</i> (Vieillot, 1817) ^{1,2}
53	Ó cá - <i>Pandion haliaetus</i> (Linnaeus, 1758) ¹ - IIB		22. Họ Chia vôi - Motacillidae
	15. Họ Ưng - Accipitridae	69	Chia vôi đầu vàng - <i>Motacilla citreola</i> (Pallas, 1776) ¹
54	Diều ấn độ - <i>Butastur indicus</i> (Gmelin, 1788) ¹ - IIB	70	Chia vôi mây vàng - <i>Motacilla tschutschensis</i> (Gmelin, 1789) ¹
55	Diều mướp - <i>Circus melanoleucos</i> (Pennant, 1769) ¹ - IIB	71	Chia vôi núi - <i>Motacilla cinerea</i> (Tunstall, 1771) ^{1,2}
56	Diều nhật bản - <i>Buteo buteo</i> (Linnaeus, 1758) ¹ - IIB	72	Chia vôi rừng - <i>Dendronanthus indicus</i> (Gmelin, 1789) ¹

73	Chia vôi trắng - <i>Motacilla alba</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}		27. Họ Nhạn - Hirundinidae
74	Chia vôi vàng - <i>Motacilla flava</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}	94	Nhạn bụng trắng - <i>Hirundo rustica</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}
75	Chim manh hòng đỏ - <i>Anthus cervinus</i> (Pallas, 1811) ¹	95	Nhạn bụng xám - <i>Hirundo daurica</i> (Linnaeus, 1771) ¹
76	Chim manh hồng - <i>Anthus roseatus</i> (Blyth, 1847) ¹	96	Nhạn nâu xám - <i>Riparia riparia</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}
77	Chim manh lớn - <i>Anthus richardi</i> (Vieillot, 1818) ¹		28. Họ Hoét - Turdidae
78	Chim manh vân nam - <i>Anthus hodgsoni</i> (Richmond, 1907) ¹	97	Hoét đầu nâu - <i>Turdus chrysolaus</i> (Temminck, 1831) ¹
79	Chim manh hòng trắng - <i>Anthus rufulus</i> (Vieillot, 1818) ¹	98	Hoét đen - <i>Turdus mandarinus</i> (Bonaparte, 1850) ¹
	23. Họ Chích đầu nhọn - Acrocephalidae	99	Hoét mây trắng - <i>Turdus obscurus</i> (Gmelin, 1789) ¹
80	Chích đầu nhọn phương đông - <i>Acrocephalus orientalis</i> (Temminck & Schlegel, 1847) ¹	100	Hoét nâu nhạt - <i>Turdus pallidus</i> (Gmelin, 1789) ¹
	24. Họ Chích dầm lầy - Locustellidae		29. Họ Sáo - Sturnidae
81	Chích dầm lầy lớn - <i>Locustella certhiola</i> (Pallas, 1811) ²	101	Sáo đá lưng đen - <i>Agropsar sturninus</i> (Pallas, 1776) ^{1,2}
	25. Họ Chích - Phylloscopidae	102	Sáo đá má hung - <i>Agropsar philippensis</i> (Forster, 1781) ¹ - GNM
82	Chích mây lớn - <i>Phylloscopus inornatus</i> (Blyth, 1842) ^{1,2}	103	Sáo đá vai trắng - <i>Sturnia sinensis</i> (Gmelin, 1788) ¹
83	Chích phương bắc - <i>Phylloscopus borealis</i> (Blasius, 1858) ¹	104	Sáo đá xanh - <i>Sturnus vulgaris</i> (Linnaeus, 1758) ¹
	26. Họ Đớp ruồi - Muscicapidae		30. Họ Sẻ - Passeridae
84	Đớp ruồi lưng vàng - <i>Ficedula narcissina</i> (Temminck, 1835) ¹	105	Sẻ - <i>Passer montanus</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}
85	Đớp ruồi mugí - <i>Ficedula mugimaki</i> (Temminck, 1835) ¹		31. Họ Sẻ đồng - Emberizidae
86	Đớp ruồi nâu châu á - <i>Muscicapa dauurica</i> (Pallas, 1811) ¹	106	Sẻ đồng đầu đen - <i>Emberiza melanocephala</i> (Scopoli, 1769) ¹
87	Đớp ruồi ngực vạch - <i>Muscicapa griseisticta</i> (Swinhoe, 1861) ¹	107	Sẻ đồng lùn - <i>Emberiza pusilla</i> (Pallas, 1776) ^{1,2}
88	Đớp ruồi nhát bản - <i>Cyanoptila cyanomelana</i> (Temminck, 1829) ¹		32. Họ Sẻ thông - Fringillidae
89	Đớp ruồi xiberi - <i>Muscicapa sibirica</i> (Gmelin, 1789) ¹	108	Sẻ hồng - <i>Carpodacus erythrurus</i> (Pallas, 1770) ¹
90	Đớp ruồi taiga - <i>Ficedula albicilla</i> (Pallas, 1811) ¹		33. Họ Sơn ca - Alaudidae
91	Đớp ruồi vàng - <i>Ficedula zanthopygia</i> (Hay, 1845) ¹	109	Sơn ca - <i>Alauda gulgula</i> (Franklin, 1831) ¹
92	Hoét đá - <i>Monticola solitarius</i> (Linnaeus, 1758) ^{1,2}		34. Họ Vàng anh - Oriolidae
93	Sẻ bụi đầu đen - <i>Saxicola torquatus</i> (Linnaeus, 1766) ¹	110	Vàng anh gáy đen - <i>Oriolus chinensis</i> (Linnaeus, 1766) ¹

Ghi chú: ¹Loài ghi nhận năm 2020 (Tổng số 101 loài); ²Loài ghi nhận năm 2021 (Tổng số 43 loài); NT - Sắp bị đe dọa theo IUCN; EN - Nguy cấp theo Sách Đỏ Việt Nam, 2007; IB. IIB - Nhóm IB và IIB theo Nghị định 84/NĐ-CP năm 2021; GNM: Ghi nhận mới cho khu hệ chim Việt Nam.

Phân tích sự đa dạng các đơn vị phân loại (taxon) cho thấy bộ Sẻ có số họ và loài nhiều nhất gồm 15 họ và 45 loài, chiếm 40,9% tổng số loài đã ghi nhận, bộ Dẽ có 5 họ và 25 loài chiếm 22,7%, bộ Bồ nông có 1 họ nhưng có đến 12 loài chiếm 10,9%, hai bộ Ưng và bộ Cu cu mỗi bộ đều có 6 loài và cùng chiếm 5,5%. Còn lại 8 bộ, mỗi bộ có 1 - 2 họ và mỗi họ có từ 1 đến 4 loài, tổng cộng là 16 loài, chiếm 14,6% tổng số loài đã ghi nhận (Bảng 2).

Bảng 2. Đa dạng các đơn vị phân loại (taxon)

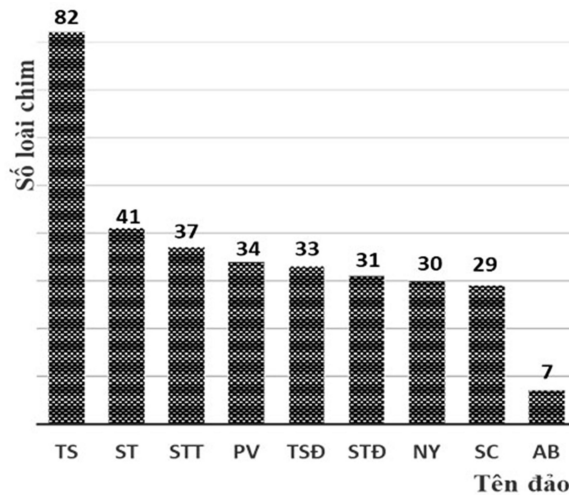
TT	Tên bộ	Số họ	Số loài	Tỷ lệ loài (%)
1	Bộ Yến - Apodiformes	1	1	0,9
2	Bộ Cu cu - Cuculiformes	1	6	5,5
3	Bộ Bồ câu - Columbiformes	1	1	0,9
4	Bộ Sếu - Gruiformes	1	4	3,6
5	Bộ Rẽ - Charadriiformes	5	25	22,7
6	Bộ Chim nhiệt đới - Phaethontiformes	1	1	0,9
7	Bộ Chim điên - Suliformes	2	2	1,8
8	Bộ Bồ nông - Pelecaniformes	1	12	10,9
9	Bộ Ưng - Accipitriiformes	2	6	5,5
10	Bộ Cú - Strigiformes	1	1	0,9
11	Bộ Sả - Coraciiformes	2	3	2,7
12	Bộ Cắt - Falconiformes	1	3	2,7
13	Bộ Sẻ - Passeriformes	15	45	40,9
Tổng cộng		34	110	100

Phân tích thành phần loài chim theo các mùa cũng cho thấy các loài chim tại quần đảo Trường Sa là tương đối đa dạng và phong phú tương đương với khu hệ chim của Vườn Quốc gia Phú Quốc 119 loài [13]. Vào mùa mưa trùng với mùa chim di cư từ phương Bắc xuống phương Nam nên mật độ và thành phần loài cao hơn rất nhiều so với mùa khô (101 loài và 43 loài).

Kết quả so sánh tại Bảng 1 cũng cho thấy, vào mùa di cư số lượng các loài chim nhiều hơn, nên trong cấu trúc quần xã có sự xuất hiện của các loài chim ăn thịt, gồm các loài thuộc bộ Ưng và bộ Cắt. Vào mùa khô khi số lượng cá thể và số lượng loài chim giảm đáng kể, trong quần xã không ghi nhận sự xuất hiện của các loài chim ăn thịt ở khu vực quần đảo Trường Sa.

3.2. Đa dạng các loài chim phân bố ở các đảo và giá trị bảo tồn

Đánh giá sự phân bố các loài chim trên 9 đảo thuộc quần đảo Trường Sa cho thấy, số loài ghi nhận được ở các đảo là khác nhau, trong đó đảo Trường Sa có số lượng loài chim nhiều nhất gồm 82 loài, đảo Sinh Tồn 41 loài, đảo Song Tử Tây 37 loài, đảo Phan Vinh 34 loài, đảo Trường Sa Đông 33 loài, đảo Sinh Tồn Đông 31 loài, đảo Nam Yết 30 loài, đảo Sơn Ca 29 loài và đảo An Bang có 7 loài (Hình 2).



Hình 2. Số loài chim phân bố tại các đảo thuộc quần đảo Trường Sa

Ghi chú: TS: Trường Sa ST: Sinh Tồn STT: Song Tử Tây
PV: Phan Vinh TSĐ: Trường Sa Đông STĐ: Sinh Tồn Đông
NY: Nam Yết SC: Sơn Ca AB: An Bang

So sánh giữa diện tích mỗi đảo và số lượng các loài chim ghi nhận trên các đảo cho thấy có sự tương đồng khá cao. Các đảo có diện tích lớn được phủ cây xanh nhiều như đảo Trường Sa, đảo Sinh Tồn và đảo Song Tử Tây có số lượng loài chim phân bố cũng cao hơn.

Trong đợt khảo sát năm 2020 đã ghi nhận được loài Sáo đá má hung - *Agropsar philippensis* (Forster, 1781) thuộc họ Sáo (Sturnidae), bộ Sẻ (Passeriformes), đây là loài mới lần đầu tiên ghi nhận cho khu hệ chim Việt Nam [14], bổ sung vào danh lục thành phần loài chim của Việt Nam. Là loài chim di cư, sinh sản ở Nhật Bản và các đảo Sakhalin và quần đảo Kuril của Nga. Chúng trú đông ở Đài Loan, Philippines, bắc Borneo.

Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các loài đã ghi nhận được trong hai đợt khảo sát theo Danh lục các loài bị đe dọa của IUCN (2021), thuộc cấp độ LC - ít quan tâm [12]. Chỉ có một loài là Choắt lùn đuôi xám - *Tringa brevipes* (Vieillot, 1816) xếp ở cấp độ NT - sắp bị đe dọa. Loài Cốc đế - *Phalacrocorax carbo* (Linnaeus, 1758) trong Sách Đỏ Việt Nam ở cấp độ EN - nguy cấp [10]. Có 1 loài trong nhóm IB và 9 loài trong nhóm IIB của Nghị định 84/2021-NĐ-CP [11]. Thông tin này cho thấy các loài chim ở quần đảo Trường Sa tương đối phổ biến và phân bố rộng. Tuy nhiên, trên một diện tích không lớn, với điều kiện môi trường biển đảo khắc nghiệt, nhưng thành phần loài khá đa dạng cũng như mật độ chim tương đối cao. Có thể cho phép xem khu vực này là đại diện cho khu hệ chim vùng biển đảo xa bờ của Việt Nam. Với số lượng thành phần loài chim đã ghi nhận được, có thể nhận định khu vực quần đảo Trường Sa là một trong những điểm dừng chân của các loài chim trong mùa di cư từ phía Bắc xuống phía Nam. Tuy nhiên, do quần

đảo Trường Sa có vị trí địa lý rất xa bờ, điều kiện thời tiết phức tạp, hầu hết các loài chim là loài di cư nên thành phần loài chim ở đây còn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ. Vì vậy, cần có những nghiên cứu tiếp theo với thời gian dài hơn và không gian rộng hơn, nhằm bổ sung thành phần loài chim, cũng như có số liệu đầy đủ về khu hệ chim của khu vực quần đảo Trường Sa. Thời gian nghiên cứu khu hệ chim nên thực hiện từ tháng 9 năm trước đến tháng 6 năm sau, đây là thời điểm trùng với mùa chim di cư, do vậy mật độ và thành phần loài có thể ghi nhận được là nhiều nhất.

4. KẾT LUẬN

Đã ghi nhận ở quần đảo Trường Sa có 110 loài chim thuộc 34 họ và 13 bộ, trong đó bộ Sẻ có số lượng nhiều nhất là 45 loài chiếm 40,9%, bộ Rẽ có 25 loài chiếm 22,7%, bộ Bò nông có 12 loài chiếm 10,9%, bộ Ưng và bộ Cu cu mỗi bộ đều có 6 loài và có cùng tỷ lệ là 5,5%. Còn lại 8 bộ, mỗi bộ có 1 - 2 họ và mỗi họ có từ 1 đến 4 loài, tổng cộng là 16 loài chiếm 14,6% tổng số loài đã ghi nhận. Có một loài theo IUCN xếp ở cấp độ NT - sắp bị đe dọa, 1 loài trong Sách Đỏ Việt Nam cấp độ EN - nguy cấp, 1 loài trong nhóm IB và 9 loài nằm trong nhóm IIB của Nghị định 84/2021-NĐ-CP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Công Thung (Chủ biên), Chu Văn Thuộc, Nguyễn Đăng Ngải, Đàm Đức Tiến, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Thị Minh Huyền, Nguyễn Văn Quân, Cao Thị Thu Trang, Lê Thị Thúy, Bùi Văn Vượng, *Đa dạng sinh học và tiềm năng bảo tồn vùng quần đảo Trường Sa*, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2014.
2. Đặng Ngọc Thanh, *Tài liệu khoa học về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên vùng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Báo cáo khoa học đề tài cấp Nhà nước “Chương trình 48-B”, Viện Khoa học Việt Nam, Hà Nội, 1991.
3. Nguyễn Cừ, Lê Trọng Trãi, Phillipps K., *Chim Việt Nam*, Chương Trình Birdlife Quốc Tế tại Việt Nam, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2000.
4. Lê Mạnh Hùng, *Giới thiệu một số loài chim Việt Nam*, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2012.
5. Robson C. R., Eames J. C., Nguyễn Cừ, Trương Văn Lã, *Further recent records of birds from Viet Nam*, Forktail, 1993, 8:25-52.
6. Robson C. R., Eames J. C., Nguyễn Cừ, Trương Văn Lã, *Birds recorded during the third BirdLife/Forest birds working group expedition in Vietnam*, Forktail, 1993, 9:89-119,
7. Robson C. R. A., *Field Guide to the Birds of South-East Asia*, New Holland, 2008.
8. Clements J. F., Schulenberg T. S., Iliff M. J., Roberson D., Fredericks T. A., Sullivan B.L. and Wood C.L., *The eBird/Clements checklist of birds of the world: v2018*. Online.
9. Võ Quý, Nguyễn Cừ, *Danh lục chim Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1995.

10. Bộ Khoa học và Công nghệ, *Sách Đỏ Việt Nam*, Phần I - Động vật, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2007.
11. *Nghị định 84/2021/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*, Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 22/9/2021.
12. IUCN, *Red List of Threatened Species*, 2021, <http://www.iucnredlist.org>.
13. www.thiennhien.net/2009/05/19/nhieu-loai-dong-thuc-vat-qui-o-vuon-quoc-gia-phu-quoc.
14. Le Manh Hung, Bui Thanh Trung, Hoang Van Thanh, Pham Hong Phuong, *First records and additional distribution ranges from Vietnam*, BirdingASIA, 2021, **35**:111-113.

SUMMARY

DIVERSITY OF BIRD SPECIES COMPOSITION IN TRUONG SA ISLANDS, KHANH HOA PROVINCE, VIETNAM

Two bird surveys were conducted in Truong Sa Islands (Spratly Islands), Khanh Hoa province, Viet Nam (from October 13 to November 21, 2020 and May 16 to June 21, 2021). A total of 110 bird species belonging to 34 families and 13 orders had been recorded. One of them is listed in the IUCN Red List as Near-threatened as: Grey-tailed Tattle. One of them is listed in the Vietnam Red Data Book as Endangered as Great cormorant. Among recorded species, the most abundant are Passeriformes (45 species accounting for 40.9%), next are Charadriiformes (25 species - 22.7%), *Pelecaniformes* (12 species - 10.9%), Cuculiformes and the Accipitriformes (6 species - 5.5%). The surveys were also recorded the first time Chestnut cheeked starling - *Agropsar philippensis* (Forster, 1781) in Vietnam.

Keywords: Bird, *Agropsar philippensis*, diversity, Truong Sa Islands, Spratly Islands, chim, Sáo đá má hung, đa dạng, quần đảo Trường Sa.

Nhận bài ngày 20 tháng 7 năm 2022

Phản biện xong ngày 20 tháng 9 năm 2022

Hoàn thiện ngày 04 tháng 10 năm 2022

⁽¹⁾ Viện Sinh thái nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga

Liên hệ: **Phạm Hồng Phương**

Viện Sinh thái nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga

Số 63 Nguyễn Văn Huyền, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982.203.773; Email: phamphuong7304@gmail.com